

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 3 - 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim An.

2. Ông Trần Thanh Duy.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 293/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, bản tự khai ngày 24/10/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, trình bày:

Ông và bà Hồ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, số 10/KH ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Sau khi kết hôn, được một thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, bà N đưa con về nhà cha mẹ để sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Hồ Ngọc D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2009 hiện đang sống với bà N, khi ly hôn ông T yêu cầu giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Hồ Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không thể hiện ý kiến của bà N.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, tranh chấp nuôi con chung giữa ông T và bà N.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo Giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T;

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Hồ Thị N.

Về con chung: Đề nghị giao cho bà Hồ Thị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Hồ Ngọc D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2009. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đối với mỗi con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 29/10/2022, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn T đối với bị đơn bà Hồ Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Hồ Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa; ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, giấy đăng ký số 10/KH ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà N có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ cuối năm 2010 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên ông T và bà N đoàn tụ, nhưng bà N không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ bà N không quan tâm đến sự hàn gắn tình cảm vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của ông T tình trạng mâu

thuần trăm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Hồ Thị N là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Hồ Ngọc D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2009 hiện đang sống với bà N; các con đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà N. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của các con, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; giao cho bà Hồ Thị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đối với mỗi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông T trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Hồ Thị N.

2. Về con chung:

Giao cho bà Hồ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc H, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Hồ Ngọc D, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2009.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đối với mỗi con chung tính từ tháng 3/2023 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001614 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành; còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã H, huyện Nghĩa Hành;
- Lưu Hồ sơ + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Chí Ngãi